



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

3503000233
4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008
ngày 24 tháng 2 năm 2023

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100739909 ngày 24 tháng 2 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Huỳnh Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Phước
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Ông Phạm Văn Phong

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Trịnh Văn Thảo
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Điều hành

Ông Huỳnh Văn Dũng
Ông Võ Thành Điền

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 1 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột
Tỉnh Đắk Lắk
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-04-00030-24-1



Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		594.541.740.239	638.196.128.380
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	60.429.095.597	139.302.483.590
Tiền	111		16.429.095.597	13.937.483.590
Các khoản tương đương tiền	112		44.000.000.000	125.365.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		259.000.000.000	223.614.397.881
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	259.000.000.000	223.614.397.881
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.005.167.780	56.955.209.577
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10(a)	28.940.800.616	47.713.620.480
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.887.994.825	4.921.070.177
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	4.252.282.163	5.396.362.581
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10(c)	(1.075.996.329)	(1.075.996.329)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		86.505	152.668
Hàng tồn kho	140		232.816.656.660	213.590.692.531
Hàng tồn kho	141	12	232.816.656.660	213.590.692.531
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.290.820.202	4.733.344.801
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.284.418.332	4.090.875.460
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	76.036.806
Thuế phải thu Nhà nước	153		6.401.870	566.432.535

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		367.052.877.394	378.370.601.329
Tài sản cố định	220		297.608.499.351	313.485.914.251
Tài sản cố định hữu hình	221	13	293.194.691.103	312.145.595.967
Nguyên giá	222		1.565.667.658.606	1.559.595.458.028
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.272.472.967.503)	(1.247.449.862.061)
Tài sản cố định vô hình	227	14	4.413.808.248	1.340.318.284
Nguyên giá	228		5.663.029.474	2.396.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.249.221.226)	(1.056.317.906)
Bất động sản đầu tư	230	15	6.291.992.898	6.468.024.160
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.503.845.173)	(3.327.813.911)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.531.927.362	215.135.327
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	3.531.927.362	215.135.327
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	975.860.000	975.860.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		975.860.000	975.860.000
Tài sản dài hạn khác	260		58.644.597.783	57.225.667.591
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	56.633.565.249	55.214.635.057
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.011.032.534	2.011.032.534
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		961.594.617.633	1.016.566.729.709

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		348.776.517.954	418.188.480.601
Nợ ngắn hạn	310		329.593.188.431	400.972.817.929
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	50.563.155.582	48.269.455.761
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.896.467.825	2.492.102.865
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	122.168.164.145	153.315.496.997
Phải trả người lao động	314		27.139.176.637	31.862.629.576
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	13.993.742.970	2.816.562.421
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	22.411.904.741	25.026.790.503
Vay ngắn hạn	320	22	79.900.000.000	129.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	9.520.576.531	8.189.779.806
Nợ dài hạn	330		19.183.329.523	17.215.662.672
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.837.500.000	-
Phải trả dài hạn khác	337		8.261.905.000	8.007.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	9.083.924.523	9.208.162.672
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		612.818.099.679	598.378.249.108
Vốn chủ sở hữu	410	25	612.818.099.679	598.378.249.108
Vốn cổ phần	411	26	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	111.854.172.485	104.364.593.485
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		202.485.212.501	195.534.940.930
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		163.206.403.930	150.206.621.946
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		39.278.808.571	45.328.318.984
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		961.594.617.633	1.016.566.729.709

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	690.913.181.586	621.182.884.920
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	16.799.074	17.529.091
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	690.896.382.512	621.165.355.829
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	499.808.393.796	462.156.611.545
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		191.087.988.716	159.008.744.284
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	4.934.989.044	8.967.892.689
Chi phí tài chính	22		1.375.186.138	2.738.118.950
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.326.620.767</i>	<i>2.738.118.950</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24	9(b)	180.769.500	60.256.500
Chi phí bán hàng	25	33	45.928.766.288	35.358.254.516
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	43.888.975.978	41.270.961.028
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		105.010.818.856	88.669.558.979
Thu nhập khác	31		440.438.278	1.270.308.981
Chi phí khác	32		208.817.468	544.682.923
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		231.620.810	725.626.058
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		105.242.439.666	89.395.185.037
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	21.193.659.095	17.899.015.009
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyên sang trang sau)	60		84.048.780.571	71.496.170.028

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển từ trang trước)	60		84.048.780.571	71.496.170.028
Phân bổ:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		84.048.780.571	71.496.170.028
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	2.547	1.992

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Trần Thị Thanh Phúc
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:

Nguyễn Thành Nguyên
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2024 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	105.242.439.666	89.395.185.037
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	25.392.040.024	25.503.532.523
Các khoản dự phòng	03	-	(5.508.048)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(75.343.217)	(136.676)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.870.760.294)	(9.129.791.687)
Phần lãi trong công ty liên kết	05	(180.769.500)	(60.256.500)
Chi phí lãi vay	06	1.326.620.767	2.738.118.950
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	126.834.227.446	108.441.143.599
Biến động các khoản phải thu	09	20.581.137.280	15.159.470.839
Biến động hàng tồn kho	10	(19.225.964.129)	38.732.960.845
Biến động các khoản phải trả	11	(14.716.647.017)	(889.119.306)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.612.473.064)	3.540.388.031
		111.860.280.516	164.984.844.008
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.522.067.893)	(2.557.015.418)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(31.040.153.213)	(28.400.685.147)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	290.260.000	627.801.359
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(23.173.701.424)	(23.697.160.884)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	56.414.617.986	110.957.783.918
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(12.235.790.945)	(3.326.363.511)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	68.927.500	163.636.364
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(209.000.000.000)	(263.000.000.000)
Tiền gửi có kỳ hạn thu về	24	173.614.397.881	220.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	5.845.685.930	10.529.146.071
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(41.706.779.634)	(35.633.581.076)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2024 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	484.807.912.076	379.107.682.692
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(533.907.912.076)	(381.479.900.663)
Tiền chi trả cổ tức	36	(44.556.569.562)	(30.527.273.370)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(93.656.569.562)	(32.899.491.341)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(78.948.731.210)	42.424.711.501
Tiền đầu kỳ	60	139.302.483.590	42.236.929.002
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	75.343.217	136.676
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70 8	60.429.095.597	84.661.777.179

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư và xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

001
INH
INH
G
HIM

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2024: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			30/6/2024	1/1/2024
Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch Vụ Bia Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
<hr/>				
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	In ấn	20%	20%
<hr/>				

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty có 489 nhân viên (1/1/2024: 492 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 30 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Nhóm Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Ban Điều hành Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi đáng kể nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hoặc các ước tính cùng kỳ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu Nhóm Công ty

Nhóm Công ty không có các khoản mục bất thường từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	1.787.205.770	803.088.911
Tiền gửi ngân hàng	14.641.889.827	13.134.394.679
Các khoản tương đương tiền (*)	44.000.000.000	125.365.000.000
	60.429.095.597	139.302.483.590

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất từ 3,9% đến 4,2% một năm (1/1/2024: từ 4,1% đến 4,5% một năm).

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi và dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 4,5% đến 5,2% (1/1/2024: từ 4,1% đến 9,3%).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phiếu	30/6/2024 và 1/1/2024		Giá trị hợp lý VND
		% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	
Đầu tư vào công ty liên kết				
• Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên	120.513	20%	975.860.000	(*)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động trong kỳ của khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	975.860.000	975.860.000
Phần lãi trong công ty liên kết	180.769.500	60.256.500
Cổ tức nhận từ công ty liên kết	(180.769.500)	(60.256.500)
Số dư cuối kỳ	975.860.000	975.860.000

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	22.059.715.370	42.265.734.352
Các khách hàng khác	6.881.085.246	5.447.886.128
	28.940.800.616	47.713.620.480

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	22.059.715.370	42.265.734.352

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	1.075.996.329	1.075.996.329

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	2.726.301.368	3.534.918.042
Phải thu khác	1.525.980.795	1.861.444.539
	<u>4.252.282.163</u>	<u>5.396.362.581</u>

12. Hàng tồn kho

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	13.000.000	-
Nguyên vật liệu	117.594.164.451	-	95.912.400.839	-
Công cụ và dụng cụ	64.009.618.826	-	67.138.235.741	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.043.142.934	-	35.433.236.940	-
Thành phẩm	19.753.185.630	-	13.901.968.591	-
Hàng hóa	416.544.819	-	1.191.850.420	-
	<u>232.816.656.660</u>	-	<u>213.590.692.531</u>	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	263.344.437.834	1.264.340.002.391	22.635.136.451	8.048.560.413	1.227.320.939	1.559.595.458.028
Tăng trong kỳ	-	3.238.025.222	520.000.000	98.638.148	-	3.856.663.370
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	81.535.641	2.134.001.567	-	-	-	2.215.537.208
Số dư cuối kỳ	263.425.973.475	1.269.712.029.180	23.155.136.451	8.147.198.561	1.227.320.939	1.565.667.658.606
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	157.635.499.894	1.063.498.050.975	18.732.441.833	6.599.455.069	984.414.290	1.247.449.862.061
Khấu hao trong kỳ	6.481.394.754	17.580.699.498	639.209.908	301.872.706	19.928.576	25.023.105.442
Số dư cuối kỳ	164.116.894.648	1.081.078.750.473	19.371.651.741	6.901.327.775	1.004.342.866	1.272.472.967.503
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	105.708.937.940	200.841.951.416	3.902.694.618	1.449.105.344	242.906.649	312.145.595.967
Số dư cuối kỳ	99.309.078.827	188.633.278.707	3.783.484.710	1.245.870.786	222.978.073	293.194.691.103



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 939.481 triệu VND (1/1/2024: 931.792 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 80.943 triệu VND (1/1/2024: 87.702 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 22).

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	500.000.000	1.667.636.190	229.000.000	2.396.636.190
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	-	3.320.860.246	-	3.320.860.246
Thanh lý	(54.466.962)	-	-	(54.466.962)
Số dư cuối kỳ	445.533.038	4.988.496.436	229.000.000	5.663.029.474
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	827.317.906	229.000.000	1.056.317.906
Khấu hao trong kỳ	-	192.903.320	-	192.903.320
Số dư cuối kỳ	-	1.020.221.226	229.000.000	1.249.221.226
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	500.000.000	840.318.284	-	1.340.318.284
Số dư cuối kỳ	445.533.038	3.968.275.210	-	4.413.808.248

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 798 triệu VND (1/1/2024: 797 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Bất động sản đầu tư

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	3.884.331.898	4.060.363.160
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	<hr/>	<hr/>
	6.291.992.898	6.468.024.160
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	7.388.177.071
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	3.327.813.911
Khấu hao trong kỳ	176.031.262
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.503.845.173
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	4.060.363.160
Số dư cuối kỳ	3.884.331.898
	<hr/> <hr/>

01
 CHI
 ĐNC
 K
 PH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	2.407.661.000

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Nhóm Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	215.135.327	393.352.508
Tăng trong kỳ	8.853.189.489	1.957.084.374
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	(2.215.537.208)	(2.063.309.555)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 14)	(3.320.860.246)	-
Số dư cuối kỳ	3.531.927.362	287.127.327

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày báo cáo như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Silos	2.888.000.000	-
Khác	643.927.362	287.127.327
Số dư cuối kỳ	3.531.927.362	287.127.327

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	27.654.683.823	8.953.675.417	13.434.028.484	5.172.247.333	55.214.635.057
Tăng trong kỳ	14.656.192.869	2.661.690.482	-	1.737.000.000	19.054.883.351
Phân bổ trong kỳ	(7.990.164.809)	(3.380.468.047)	(264.988.392)	(1.513.332.498)	(13.148.953.746)
Thanh lý	(4.432.359.166)	(54.640.247)	-	-	(4.486.999.413)
Số dư cuối kỳ	29.888.352.717	8.180.257.605	13.169.040.092	5.395.914.835	56.633.565.249



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	9.326.975.980	15.757.046.696
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	-	4.672.256.256
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	9.219.087.422	2.157.911.315
Công ty TNHH Lon nước giải khát TBC-Ball Việt Nam	4.390.230.773	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co	2.553.096.600	-
Các nhà cung cấp khác	25.073.764.807	25.682.241.494
	50.563.155.582	48.269.455.761

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	9.326.975.980	15.757.046.696
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co	2.553.096.600	-

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	34.777.260.242	166.558.736.746	(90.301.828.721)	(86.209.252.714)	24.824.915.553
Thuế tiêu thụ đặc biệt	89.434.283.077	467.536.095.292	-	(477.541.299.453)	79.429.078.916
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.030.264.466	21.245.700.495	-	(31.040.153.213)	15.235.811.748
Thuế thu nhập cá nhân (*)	2.429.540.033	3.439.781.726	-	(4.884.817.275)	984.504.484
Tiền thuế đất, thuế đất	1.501.042.496	3.105.653.256	-	(2.989.100.952)	1.617.594.800
Các loại thuế khác	143.106.683	585.461.258	-	(652.309.297)	76.258.644
	153.315.496.997	662.471.428.773	(90.301.828.721)	(603.316.932.904)	122.168.164.145

(*) Trong thuế thu nhập cá nhân đã nộp trong kỳ có 14.334.643 VND liên quan đến thu nhập từ cổ tức của các cổ đông là cá nhân.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và sử dụng vỏ chai	425.000.000	-
Chi phí thuê đất	252.763.498	-
Chi phí lãi vay	26.082.192	221.529.318
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	5.518.188.146	-
Phí kiểm toán	214.000.000	270.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	7.557.709.134	2.325.033.103
	<hr/>	<hr/>
	13.993.742.970	2.816.562.421

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải trả	10.298.689.203	10.085.286.765
Nhận ký quỹ ngắn hạn	6.514.271.035	6.748.597.570
Quỹ công tác xã hội	1.690.197.475	1.782.620.420
Phải trả ngắn hạn khác	3.908.747.028	6.410.285.748
	<hr/>	<hr/>
	22.411.904.741	25.026.790.503

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay ngắn hạn

	1/1/2024	Biến động trong kỳ	30/6/2024
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	129.000.000.000	484.807.912.076 (533.907.912.076)	79.900.000.000

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	4% - 5%	-	40.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	2,8%	15.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (iii)	VND	3,5%	-	19.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (iv)	VND	2,8%	14.900.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (v)	VND	2,8%	50.000.000.000	-
			79.900.000.000	129.000.000.000



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 70.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 64.518 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 69.756 triệu VND) (Thuyết minh 13) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 50.000 triệu VND và chịu lãi suất của BIDV tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 16.425 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 17.946 triệu VND) (Thuyết minh 13) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 3 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 65.000 triệu VND và chịu lãi suất của Vietinbank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi một tháng. Khoản vay này không được đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 4 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) - Chi nhánh Bình Định có hạn mức tín dụng 25.000 triệu VND và chịu lãi suất của Vietcombank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi ba tháng. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (v) Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 49.995 triệu VND và chịu lãi suất của Vietcombank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi ba tháng. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	8.189.779.806	8.889.034.923
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 25)	24.090.000.000	24.090.000.000
Tăng khác	290.260.000	627.801.359
Sử dụng trong kỳ	(23.049.463.275)	(23.697.160.884)
Số dư cuối kỳ	9.520.576.531	9.909.675.398

24. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu kỳ	9.208.162.672
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(124.238.149)
Số dư cuối kỳ	9.083.924.523

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	298.466.480.000	12.234.693	94.146.756.834	214.066.232.994	606.691.704.521
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	71.496.170.028	71.496.170.028
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 28)	-	-	9.020.875.498	(9.020.875.498)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(24.090.000.000)	(24.090.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(902.087.550)	(902.087.550)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(29.846.648.000)	(29.846.648.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	298.466.480.000	12.234.693	103.167.632.332	221.702.791.974	623.349.138.999
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	82.780.999.224	82.780.999.224
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 28)	-	-	1.196.961.153	(1.196.961.153)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(3.168.925.000)	(3.168.925.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(119.696.115)	(119.696.115)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(104.463.268.000)	(104.463.268.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	298.466.480.000	12.234.693	104.364.593.485	195.534.940.930	598.378.249.108
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	84.048.780.571	84.048.780.571
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 28)	-	-	7.489.579.000	(7.489.579.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(24.090.000.000)	(24.090.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(748.958.000)	(748.958.000)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(44.769.972.000)	(44.769.972.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	298.466.480.000	12.234.693	111.854.172.485	202.485.212.501	612.818.099.679

10/1
 Á
 Y1
 M
 12/1

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023.

27. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 12 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023, số tiền này đã được trả hoàn toàn cho các cổ đông trong năm 2023 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 74.617 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2022).

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 44.770 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-DHCD ngày 12 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty là 7.490 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 9.021 triệu VND).

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Thuê	Thời hạn thuê	Ngày thay đổi giá thuê	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Lô đất 1	31-12-2056	31-12-2025	1.114.434.304	1.485.912.406
Lô đất 2	31-1-2058	30-1-2028	16.042.233.600	18.280.684.800
Lô đất 3	31-12-2048	31-12-2024	420.075.921	414.310.039
Lô đất 4	31-12-2048	31-12-2024	165.903.008	163.625.855
Lô đất 5	31-12-2048	31-12-2024	898.853.420	886.515.928
Lô đất 6	31-12-2048	31-12-2024	243.115.161	239.778.208
Lô đất 7	31-12-2048	31-12-2024	114.207.876	116.640.281
Lô đất 8	10-10-2036	31-5-2026	220.259.500	277.718.500
Lô đất 9	10-10-2036	9-10-2026	424.828.800	519.235.200
Lô đất 10	10-10-2036	5-3-2025	193.751.040	339.064.320
Lô đất 11	10-10-2036	31-5-2026	1.582.413.800	1.995.217.400
Lô đất 12	10-10-2036	31-5-2026	506.485.760	638.612.480
Lô đất 13	31-12-2048	31-12-2048	836.817.713	836.817.713
Xe	31-12-2024	31-12-2024	120.000.000	240.000.000
Văn phòng và nhà kho	31-12-2024	31-12-2024	36.000.000	72.000.000
Văn phòng 1	31-12-2024	31-12-2024	6.000.000	12.000.000
			22.925.379.903	26.518.133.130

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
EUR	491,36	13.112.304	502	13.245.745
USD	130.868,29	3.304.843.771	45.556	1.096.990.542
		<u>3.317.956.075</u>		<u>1.110.236.287</u>

(c) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2024	1/1/2024
		Số lượng	Số lượng
Bia Lowen 330	Két	769	673

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	628.403.377.947	561.624.812.336
▪ Cung cấp dịch vụ	45.155.714.182	45.926.476.384
▪ Doanh thu khác	17.354.089.457	13.631.596.200
	<u>690.913.181.586</u>	<u>621.182.884.920</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	16.799.074	17.529.091
	<u>690.896.382.512</u>	<u>621.165.355.829</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn hàng đã bán	472.419.276.290	443.242.717.166
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	16.199.921.076	13.201.527.706
▪ Giá vốn khác	11.189.196.430	5.712.366.673
	<hr/>	<hr/>
	499.808.393.796	462.156.611.545

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi	4.856.299.756	8.966.155.323
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	75.343.217	136.676
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.346.071	1.600.690
	<hr/>	<hr/>
	4.934.989.044	8.967.892.689

33. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	6.622.600.309	6.158.514.161
Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	8.981.858.500	8.148.446.192
Chi phí khấu hao và phân bổ	191.305.986	368.137.709
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.592.340.303	1.441.546.982
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	14.282.720.010	9.611.749.877
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.972.319.803	2.184.675.982
Chi phí bán hàng khác	9.285.621.377	7.445.183.613
	<hr/>	<hr/>
	45.928.766.288	35.358.254.516

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	21.853.209.868	20.825.407.351
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.795.128.991	1.993.693.860
Chi phí thuê	4.134.217.002	2.987.405.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.246.318.773	2.553.348.891
Chi phí quản lý khác	13.860.101.344	12.911.105.838
	<hr/>	<hr/>
	43.888.975.978	41.270.961.028
	<hr/>	<hr/>

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	405.735.339.650	365.055.649.575
Chi phí nhân công và nhân viên	69.943.885.930	66.414.479.909
Chi phí khấu hao và phân bổ (*)	25.392.040.024	25.503.532.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.979.016.187	33.727.063.900
Chi phí khác	48.115.941.904	41.568.401.140
	<hr/>	<hr/>

(*) Trong kỳ, chi phí khấu hao và phân bổ đã bao gồm khấu hao các tài sản phục vụ sản xuất điện năng lượng mặt trời và giếng khoan với số tiền lần lượt là 533.057.904 VND và 188.815.990 VND.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	21.048.487.933	17.879.037.006
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	145.171.162	19.978.003
	21.193.659.095	17.899.015.009

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	105.242.439.666	89.395.185.037
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	21.048.487.933	17.879.037.006
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	145.171.162	19.978.003
	21.193.659.095	17.899.015.009

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	84.048.780.571	71.496.170.028
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dự kiến	(8.030.000.000)	(12.045.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	76.018.780.571	59.451.170.028

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 29.846.648 cổ phiếu.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.547	1.992

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2023
	30/6/2024	VND
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên		
Mua công cụ và dụng cụ	2.095.500.000	4.055.000.000
Cổ tức đã nhận	180.769.500	60.256.500

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2024 30/6/2023
VND VND

Các bên liên quan khác

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Bán bia thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	261.671.484.551	266.564.494.718
Bán hàng hóa khác	504.000	380.162.520
Mua nguyên vật liệu	203.068.622.397	168.655.422.756
Cổ tức đã trả	14.426.044.500	9.617.363.000

Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên

Doanh thu cung cấp dịch vụ	158.981.400	192.000.000
Bán khác	-	184.768.629

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Bán bao bì luân chuyển	446.646.806	220.077.805
------------------------	-------------	-------------

Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sabeco

Mua công cụ dụng cụ	217.716.000	154.646.000
Mua dịch vụ	7.524.979.000	-

Hội đồng Quản trị

Thù lao

Ông Lâm Du An – Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Huỳnh Văn Dũng – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Bà Nguyễn Thị Phước – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Ông Phạm Văn Phong – Thành viên	42.000.000	42.000.000

Ban Điều hành

Lương cơ bản

Ông Huỳnh Văn Dũng – Tổng Giám đốc	398.160.000	372.088.848
Ông Võ Thanh Điền – Phó Tổng Giám đốc	264.840.000	247.519.974

Ban Kiểm soát

Thù lao

Ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng ban Kiểm soát	120.000.000	120.000.000
Ông Trịnh Văn Thảo – Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Quang Đáng – Thành viên	24.000.000	24.000.000

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
 - Mã chứng khoán: SMB
 - Địa chỉ trụ sở chính: 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
 - Điện thoại: 02623.877519 Fax: 02623.877455
 - Người thực hiện công bố thông tin: Huỳnh Văn Dũng
 - Nội dung thông tin công bố:
 - Báo cáo tài chính Hợp nhất Bán niên Soát xét năm 2024 của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung bao gồm: Báo cáo Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của Công ty Kiểm toán KPMG, Báo cáo của Ban Giám đốc, Bảng CĐKT tại ngày 30/06/2024, Báo cáo KQKD giai đoạn 01/01-30/06/2024, Báo cáo LCTT cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-30/06/2024, Thuyết minh BCTC cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-30/06/2024.
 - Các nội dung giải trình: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN 06T/2024 tăng 17,6% so với cùng kỳ năm 2023 tương ứng với tăng 12,55 tỷ. Nguyên nhân chủ yếu do: sản lượng tiêu thụ 06T/2024 tăng 7,83 triệu lít và nguyên nhân Công ty đã quản lý tốt định mức nguyên vật liệu tuy nhiên do ảnh hưởng tình hình chung nên giá vật tư tăng cao hơn so với cùng kỳ 2023.

Báo cáo giải trình này được gửi kèm với Báo cáo tài chính Hợp nhất Bán niên Soát xét 2024 để giải trình theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.
 - Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: biasaigonmt.com
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT



NGƯỜI CBTT
TỔNG GIÁM ĐỐC
Huỳnh Văn Dũng